

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Nh, sinh năm 19XX, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Quách Văn Nh, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Nh trình bày: Chị và anh Quách Văn Nh tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Nh không quan tâm, chăm lo cho gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên chị đã về sống với bố mẹ đẻ từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nh. Anh chị có 02 con chung là Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2007 và Quách Thuý D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012. Chị đang làm công

nhân, thu nhập ổn định, được sự hỗ trợ của bố mẹ để đảm bảo việc nuôi con. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Trước khi mở phiên tòa, chị Nh thay đổi quan điểm, đề nghị Tòa án giao con Minh D cho chị nuôi dưỡng; giao con Thuỳ D cho anh Nh nuôi dưỡng.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Quách Văn Nh trình bày: Anh và chị Nh tự nguyện kết hôn với nhau và có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng sống ly thân. Anh và gia đình đã nhiều lần động viên, thuyết phục chị Nh đoàn tụ nhưng chị Nh không đồng ý. Anh không đồng ý ly hôn vì thương các con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 02 con chung là Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 20xx và Quách Thuỳ D, sinh ngày 01 tháng 5 năm 20xx. Do gia đình anh chị ở gần nhau, các con vẫn thường xuyên qua lại sống với cả bố và mẹ; cả hai anh chị đều làm công nhân, đảm bảo điều kiện nuôi con nên việc nuôi con sau khi ly hôn không ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nh và chị Nh tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, đôi khi anh Nh ham chơi, nợ nần nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2024. Anh chị có 02 con chung là Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2007 và Quách Thuỳ D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012 đều đang sống cùng anh Nh tại nhà chung của anh chị. Cả anh Nh và chị Nh đều làm công nhân, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Con Minh D có nguyện vọng được sống cùng chị Nh; con Thuỳ D có nguyện vọng được sống cùng anh Nh.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị Nh và anh Nh đã trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh, xử cho chị Nh được ly hôn anh Nh; giao con Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 20xx cho chị Nh nuôi dưỡng; giao con Quách Thuỳ D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 20xx cho anh Nh nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung

do đương sự không yêu cầu. Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nh và anh Nh có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Nh khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Quách Văn Nh, cư trú tại thôn L, xã T, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh Nh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh và anh Quách Văn Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 26 tháng 12 năm 2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian chung sống, giữa chị Nh và anh Nh xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ giữa năm 2024 đến nay. Anh Nh không đồng ý ly hôn nhưng xác nhận về tình trạng mâu thuẫn **vợ chồng**, gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành; **thực tế anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau**. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Nh và anh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị Nh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, xử cho chị Nh được ly hôn anh Nh.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 20xx và Quách Thuỳ D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 20xx. Xét thấy cả chị Nh và anh Nh đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, ý kiến của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con Minh D cho chị Nh trực tiếp nuôi; giao con Thuỳ D cho anh Nh trực tiếp nuôi. Về việc cấp dưỡng cho con, chị Nh và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết; xét thấy quyền lợi của con vẫn được bảo đảm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nh và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Nh có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Trần Thị Nh):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Quách Văn Nh.

2. Về con chung: Giao con Quách Minh D, sinh ngày 29 tháng 11 năm 20xx cho chị Nh trực tiếp nuôi; giao con Quách Thuỳ D, sinh ngày 11 tháng 5 năm 20xx cho anh Nh trực tiếp nuôi. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị Nh đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009158 ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T
(ĐKKH năm 2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên